

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 498/2020/HC-PT
Ngày: 08 - 9 - 2020
V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực xây dựng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 709/2018/TLPT-HC ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xây dựng”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1450/2018/HCST ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2011/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Đặng Thị G, sinh năm 1939.

Địa chỉ: Tổ 7, Ấp 1, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1971. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: đường L1, Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Địa chỉ: đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Phan Thị Bảo Ch - Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị huyện B. (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông Vũ Văn Đ – Đại diện người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện là bà Đặng Thị G có người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Văn Đ trình bày:

Vào khoảng tháng 5/2016, trên một phần các thửa đất 662, 663 tờ bản đồ số 83 thuộc tổ 16 ấp 1, xã P, huyện B, bà Đặng Thị G có tiến hành sửa chữa 10 chòi lá trên hiện trạng 10 chòi canh nuôi cá đã được xây dựng từ năm 2004, với tổng diện tích là 335,5m². Công trình sửa chữa này đã được hoàn thiện và đưa vào sử dụng vào tháng 5/2016.

Khi khởi công việc sửa chữa này, bà Đặng Thị G đã có thông báo cho chính quyền địa phương và đại diện chính quyền vào thời điểm đó có xuống kiểm tra hiện trạng trong thời gian sửa chữa cũng như lúc hoàn thành, nhưng hoàn toàn không có ý kiến gì về việc sửa chữa này của bà G.

Vào ngày 26/7/2016, Ủy ban nhân dân xã P đã tiến hành kiểm tra công trình nêu trên của bà G, tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 16/BB-VPHC do xác định bà G có hành vi “tổ chức thi công xây dựng công trình trên đất không được phép xây dựng”, thời điểm xây dựng công trình vi phạm là tháng 5/2016, công trình xây dựng đã hoàn thành, đã đưa vào sử dụng. Tại thời điểm kiểm tra lập biên bản bà G vắng mặt nên không thể có ý kiến về nội dung biên bản này.

Bằng biên bản vi phạm hành chính số 16/BB-VPHC này, ngày 27/7/2016 Ủy ban nhân dân xã P đã gửi Công văn số 1373/UBND đề xuất Phòng Quản lý đô thị tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện B xử lý vi phạm hành chính đối với bà Đặng Thị G.

Sau khi có công văn đề xuất nêu trên, thay vì chờ Ủy ban nhân dân huyện B xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà G thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P lại ra Quyết định số 227/QĐ-UBND vào ngày 29/7/2016 để cưỡng chế phá dỡ đối với công trình được cho là vi phạm của bà G. Nội dung của Quyết định số 227/QĐ-UBND ghi rõ là căn cứ Nghị định 180/2007/NĐ-CP của Chính phủ và Biên bản vi phạm hành chính số 16/BB-VPHC.

Mặt khác, căn cứ Công văn số 1373/UBND của Ủy ban nhân dân xã P, ngày 02/8/2016, Phòng Quản lý đô thị huyện B đã có Tờ trình số 6727/TTr-QLĐT-CPXD đề xuất Ủy ban nhân dân huyện B xử phạt đối với bà Đặng Thị G về hành vi “tổ chức thi công xây dựng mới công trình trên đất không được phép xây dựng”.

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 16/BB-VPHC và Tờ trình số 6727/TTr-QLĐT-CPXD nêu trên, ngày 03/8/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 384/QĐ-XPVPHC đối với bà Đặng Thị G, với hình thức xử phạt được áp dụng là phạt tiền 22.500.000 đồng, đồng thời áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc tháo dỡ công trình xây dựng được cho là vi phạm.

Ngày 10/8/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B giao Quyết định xử

phạt vi phạm hành chính số 384/QĐ-XPVPHC cho bà Đặng Thị G.

Quyết định số 384/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B là không đúng về mặt nội dung và trình tự thủ tục thi hành, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên bà Đặng Thị G đề nghị Tòa án xem xét hủy Quyết định số 384/QĐ-XPVPHC nêu trên.

Lý do khởi kiện:

- Việc tổng đạt Quyết định số 384/QĐ-XPVPHC ngày 03/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đã vi phạm thời hạn gửi quyết định theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Thực tế thì 06 ngày sau khi ban hành quyết định, người bị kiện mới tổng đạt cho bà G, trong khi Luật quy định phải tổng đạt trong thời hạn 02 ngày làm việc.

- Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B cho rằng Quyết định cưỡng chế số 227/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 là quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định số 384/QĐ-XPVPHC ngày 03/8/2016 là không có căn cứ, bởi lẽ: Quyết định số 227/QĐ-UBND ban hành trước Quyết định số 384/QĐ-XPVPHC. Tới thời điểm xét xử vụ án này thì phía người bị kiện thực tế chưa ban hành quyết định nào cưỡng chế thi hành Quyết định số 384/QĐ-XPVPHC ngày 03/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B. Theo quy định tại Điều 74 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm kể từ ngày ra quyết định, quá thời hạn này thì không thi hành quyết định đó nữa. Như vậy Quyết định số 384/QĐ-XPVPHC ngày 03/8/2016 đã hết thời hiệu thi hành theo quy định nêu trên.

- Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định cưỡng chế số 227/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 là không có cơ sở, bởi lẽ, căn cứ vào Nghị định 180/2007/NĐ-CP thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P chỉ được cưỡng chế đối với trường hợp đang tiến hành xây dựng trái phép. Cụ thể trong trường hợp của bà G, nếu có vi phạm thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P phải ban hành Quyết định đình chỉ thi công xây dựng, nếu người vi phạm không ngừng thi công và tự tháo dỡ thì phía Ủy ban mới ban hành quyết định cưỡng chế tháo dỡ.

- Về nội dung Quyết định số 384/QĐ-XPVPHC ngày 03/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B thì việc xác định bà G có hành vi tổ chức thi công công trình xây dựng mới trên các thửa đất 662, 663 là không có căn cứ, bởi lẽ:

+ Hiện trạng thửa đất 662, 663 từ khi bà G được cấp chủ quyền năm 2003 đến giờ là đầm lầy, ao hồ. Trên các thửa đất, từ năm 2004 đã tồn tại 10 chòi canh. Năm 2016, bà G chỉ tổ chức sửa chữa lại bằng vật liệu nhẹ (khung cây, mái lá, sàn gỗ), bà G không xây dựng mới.

+ Việc xây dựng 10 chòi canh của bà G được tiến hành năm 2004, khi chưa có quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt, do đó thuộc loại công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014. Những chòi canh này được bà G xây dựng và sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2006 và trước thời điểm đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt. Bà G được phép

sửa chữa, cải tạo lại theo quy mô hiện trạng nhà cũ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ những lý do trên, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Biên bản vi phạm hành chính số 16/BB-VPHC do Ủy ban nhân dân xã P lập vào ngày 26/07/2016 thể hiện bà Đặng Thị G đã tổ chức thi công xây dựng công trình trên đất thuộc một phần các thửa đất số 662, 663, tờ bản đồ số 83 (BĐĐC), tổ 16, ấp 1, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, với diện tích vi phạm: Bộ phận công trình 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7: $(4m \times 6m) \times 7 = 168m^2$; Bộ phận công trình 8: $4m \times 22m = 88m^2$; Bộ phận công trình 9: $3,2m \times 15m = 48m^2$; Bộ phận công trình 10: $4,5m \times 7m = 31,5m^2$; Tổng diện tích vi phạm: $335,5m^2$; Hiện trạng: cột khung cây, mái lá, sàn gỗ. Tại thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính, công trình vi phạm xây dựng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Các thửa đất số 662, 663, tờ bản đồ số 83 (BĐĐC), tổ 16, ấp 1, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, có mục đích sử dụng đất là đất Lúa được xác định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01094/7013905 và H01095/7013905 cùng ngày 12/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Đặng Thị G.

Đôi chiếu vị trí khu đất thuộc một phần các thửa đất số 662, 663, tờ bản đồ số 83 (BĐĐC), tổ 16, ấp 1, xã P, huyện B theo Đồ án quy hoạch huyện B; vị trí khu đất nằm trong khu vực quy hoạch đất cây xanh cách ly.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ; điểm b Khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 384/QĐ-XPVPHC xử phạt hành chính đối với bà Đặng Thị G, áp dụng theo mức phạt tiền 22.500.000 đồng và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị G.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1450/2018/HC-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh Án phí, Lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị định 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;

Căn cứ Thông tư 02/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn Nghị định

121/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị G về việc hủy Quyết định 384/QĐ-XPHC ngày 03/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 30/10/2018, đại diện người khởi kiện ông Vũ Văn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà G.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị G là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Vũ Văn Đ - đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện ông Vũ Văn Đ, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung: Bà Đặng Thị G khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 384/QĐ-XPHC ngày 03/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, xét thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

Ngày 26/7/2016, UBND xã P lập biên bản vi phạm hành chính số 16/BB-VPHC về việc bà Đặng Thị G đã tổ chức thi công xây dựng trái phép công trình

trên đất thuộc một phần các thửa đất số 662, 663, tờ bản đồ số 83 (BĐĐC), tổ 16, ấp 1, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 03/8/2016, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định 384/QĐ-XPHC ngày 03/8/2016 xử phạt vi phạm hành chính đối với bà G là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 38, 66, 67 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[2.2] Về nội dung quyết định hành chính:

Theo đơn khởi kiện bà Đặng Thị G cũng thừa nhận có việc xây dựng các chòi lá không có giấy phép xây dựng như biên bản vi phạm hành chính UBND xã P đã lập ngày 26/7/2016, công trình đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng; tuy nhiên các chòi lá này đã có từ năm 2004 mục đích để nuôi cá, năm 2016 bà G sửa chữa lại, không thuộc trường hợp xây dựng mới nên không phải xin giấy phép xây dựng.

Xét thấy, bà Đặng Thị G được UBND huyện B cấp quyền sử dụng thửa đất số 662, tờ bản đồ số 83 (BĐĐC), tổ 16, ấp 1, xã P, huyện B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01094/7013905, mục đích sử dụng đất là trồng cây lâu năm; quyền sử dụng thửa đất số 663, tờ bản đồ số 83 (BĐĐC), tổ 16, ấp 1, xã P, huyện B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01095/7013905, mục đích sử dụng đất lúa. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên không thể hiện trên đất có công trình, vật kiến trúc. Bà G cho rằng các chòi lá đã được xây dựng từ năm 2004 để sản xuất nông nghiệp nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Các công trình này sau khi hoàn thiện cũng không nhằm mục đích sản xuất nông nghiệp mà là để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái nên lời trình bày của người khởi kiện là không có cơ sở chấp nhận.

Hơn nữa, theo Quyết định số 6013/QĐ-UBND về Đồ án quy hoạch chung xây dựng huyện B đến năm 2020; Quyết định số 6196/QĐ-UBND về phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã P, huyện B của UBND huyện B thì thửa đất số 662, 663 bà G đang xây dựng đã có quy hoạch phát triển đô thị (khu vực quy hoạch đất cây xanh cách ly) nên không thuộc trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo điểm k khoản 2 Điều 89 Luật xây dựng.

Việc bà G xây dựng các công trình trái phép trên đất đã vi phạm quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở. Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định 384/QĐ-XPHC ngày 03/8/2016 xử phạt bà Đặng Thị G 22.500.000 đồng và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ công trình vi phạm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Người đại diện theo ủy quyền của bà G kháng cáo cho rằng biên bản vi phạm hành chính UBND xã P lập ngày 26/7/2016 vi phạm hình thức nên Quyết định 384/QĐ-XPHC xử phạt dựa trên biên bản này là trái quy định pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng, biên bản vi phạm hành chính ngày 26/7/2016 mặc dù không có bà G ký tên nhưng có chữ ký xác nhận của 02 người chứng kiến là đã đảm bảo quy định của Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính. Hơn nữa, chính nội dung đơn khởi kiện của bà G cũng đã thừa nhận việc xây dựng các công trình không có giấy

phép như biên bản vi phạm hành chính ngày 26/7/2016 đã nêu và xác định công trình đã hoàn thiện, đưa vào sử dụng.

Đối với kháng cáo cho rằng Chủ tịch UBND huyện B tổng đạt trễ Quyết định 384/QĐ-XPHC cho đương sự, thấy rằng việc tổng đạt trễ là có sai sót nhưng sai sót này không ảnh hưởng đến bản chất của sự việc cũng như không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà G.

Về kháng cáo cho rằng Quyết định 384/QĐ-XPHC đã hết thời hiệu thi hành, Hội đồng xét xử xét thấy Chủ tịch UBND huyện B đã ban hành nhiều thông báo kiểm tra, theo dõi thực hiện Quyết định 384/QĐ-XPHC. Việc không thực hiện là do người vi phạm cố tình không thực hiện nên không thể xem đây là trường hợp hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Ngoài ra, đại diện người khởi kiện còn cho rằng Chủ tịch UBND huyện B không ban hành quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định 384/QĐ-XPHC là trái quy định pháp luật. Xét thấy không có quy định nào bắt buộc trong thời hạn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì người xử phạt phải ban hành quyết định cưỡng chế thi hành. Lập luận của đại diện người khởi kiện không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Phan Thị Bảo Ch – Phó trưởng phòng quản lý đô thị huyện B tham gia tố tụng với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là không trái quy định pháp luật. Bà Phan Thị Bảo Ch không thuộc trường hợp bị cấm tham gia bảo vệ quyền lợi theo Điều 61 Luật tố tụng hành chính. Về việc bản án sơ thẩm nêu ông Nguyễn Văn T (người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện) trình bày tại phiên tòa, thấy rằng tại phiên tòa sơ thẩm ông Tài không có mặt, phần nội dung vụ án thể hiện lời trình bày của ông Tài trong quá trình giải quyết vụ án nhưng ghi nhầm thành “tại phiên tòa”. Xét thấy sự nhầm lẫn này không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án, không phải là vi phạm tố tụng nghiêm trọng như lời trình bày của đại diện của người khởi kiện.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông Vũ Văn Đ là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Bà Đặng Thị G là người cao tuổi, được miễn án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và

công sở; Thông tư 02/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn Nghị định 121/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn Đ – đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị G. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1450/2018/HC-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị G về việc hủy Quyết định 384/QĐ-XPHC ngày 03/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Bà Đặng Thị G được miễn án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Đặng Thị G 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0045786 ngày 29/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trí Tuấn

Mai Thị Tú Oanh

Hoàng Thanh Dũng